TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 179/2021/HNGĐ-ST
Ngày 24/6/2021
V/v: *"Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hoanh và ông Nguyễn Kim Đình.
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt Sương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên toà:* Bà Võ Thị Thu, Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp chia tài sản chung sau ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2021/QĐST-HPT ngày 18 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2021/QĐST-HPT ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị P; hộ khẩu thường trú: thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: thôn P, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu C; địa chỉ: thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2020 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ nguyên đơn bà Ngô Thị P trình bày:*

Trước đây bà Ngô Thị P và ông Nguyễn Hữu C là vợ chồng, do mâu thuẫn nên vợ chồng đã giải quyết ly hôn tại Tòa án. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 302/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018 của Toà án nhân dân huyện Đ thì về quan hệ hôn nhân bà P và ông C thống nhất thuận tình ly hôn. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, tuy nhiên sau khi ly hôn cho đến nay thì phần tài sản chung được tạo lập ra trong thời kỳ hôn nhân bà P và ông C không thể tự phân chia được.

Tài sản chung bà P và ông C đã tạo lập ra trong thời kỳ hôn nhân bao gồm một ngôi nhà và các công trình phụ trên thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 14, diện tích 224m^2 loại đất ở, đã được đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền ngày 12/9/2016 do bà P và ông C cùng đứng tên chủ sử dụng; địa chỉ tại thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Nay bà Ngô Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn với ông Nguyễn Hữu C theo quy định pháp luật. Nguyện vọng của bà P là được nhận toàn bộ tài sản là

ngôi nhà và đất, đồng thời có trách nhiệm thối trả giá trị chêch lệch trong khối tài sản chung cho ông C.

** Tại văn bản ghi ý kiến ngày 03 tháng 11 năm 2020 bị đơn ông Nguyễn Hữu C trình bày:*

Ông C và bà P kết hôn năm 1997 và ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 302/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018. Về tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết, nay bà P yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà xây cấp 4 gắn liền với diện tích đất 224m^2 loại đất ở, thuộc thửa số 1262, tờ bản đồ số 14, đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền ngày 12/9/2016 do ông C và bà P cùng đứng tên chủ sử dụng; địa chỉ tại thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Nguyện vọng của ông C là mong muốn để lại cho con, tuy nhiên nếu bà P cương quyết yêu cầu phân chia tài sản chung sau ly hôn thì ông C đề nghị đập bỏ ngôi nhà để chia đôi diện tích đất mỗi người được nhận nữa phần diện tích đất để làm nhà ở.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm:*

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Đối với nguyên đơn bà Ngô Thị P đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 186, 188, 189 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn ông Nguyễn Hữu C sau khi được nhận thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị P. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án ông C lại không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn vắng mặt không có lý do là không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Về quan điểm nội dung vụ án: Từ những tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Ngô Thị P, cho bà P được nhận thửa đất ở có diện tích đất 224m^2, số thửa 1262, tờ bản đồ số 14, đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền ngày 12/9/2016; địa chỉ tại thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản trên đất là ngôi nhà cùng với các công trình phụ với tổng trị giá là 438.106.000 đồng, bà Ngô Thị P thối trả ½ giá trị tài sản là 219.053.000 đồng cho ông Nguyễn Hữu C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông Nguyễn Hữu C đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc với Tòa án nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của ông C như thông báo về công khai chứng cứ, thông báo về các phiên hòa giải, quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, quyết định định giá tài sản, quyết định thành lập hội đồng định giá, thông báo kết quả định giá tài sản, quyết định đưa vụ án ra xét xử và các quyết định hoãn phiên tòa để giải quyết xét xử vụ án theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hữu C vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Ngô Thị P và ông Nguyễn Hữu C trước đây là vợ chồng, trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên đã giải quyết ly hôn tại Tòa

án. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 302/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ về quan hệ hôn nhân công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà P và ông C. Về tài sản chung tự thỏa thuận giải quyết, tuy nhiên sau khi ly hôn cho đến nay bà P và ông C không tự phân chia khối tài sản chung tạo ra trong thời kỳ hôn nhân mà xảy ra tranh chấp. Do vậy, bà P yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn đối với ông C.

Trong thời kỳ hôn nhân bà P và ông C đã tạo lập ra tài sản chung gồm một ngôi nhà xây và các công trình phụ trên thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 14, diện tích 224m^2 loại đất ở, đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền ngày 12/9/2016 do bà P và ông C cùng đứng tên chủ sử dụng; địa chỉ tại thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P và ông C được Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự ngày 29/3/2021 xác định tổng giá trị tài sản là 438.106.000 đồng và các đương sự đồng ý với giá trị tài sản định giá bao gồm phần đất trị giá là 143.360.000 đồng và phần nhà cùng các công trình phụ trên đất trị giá là 289.062.000 đồng.

Bà P cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án ông C không hợp tác, không đến Tòa án để thỏa thuận giải quyết phân chia tài sản chung sau ly hôn nên nguyện vọng của bà P được nhận toàn bộ tài sản là ngôi nhà và các công trình phụ trên thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 14, diện tích 224m^2 loại đất ở và có trách nhiệm thối lại ½ giá trị tài sản cho ông C. Về văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà P thì ông C cho rằng cần đập bỏ ngôi nhà để chia đôi phần diện tích đất cho mỗi người để làm nhà ở. Trường hợp này xét thấy, tài sản tranh chấp là ngôi nhà cùng với các công trình phụ khác xây dựng trên thửa đất vẫn còn giá trị sử dụng nên không thể đập bỏ ngôi nhà để chia đôi phần diện tích đất cho mỗi người theo yêu cầu của ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, ông C vẫn không hợp tác, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao ngôi nhà cùng với các công trình phụ trên thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 14, diện tích 224m^2 loại đất ở cho bà P được nhận và sở hữu trị giá là 438.106.000 đồng. Sau khi sở hữu khối tài sản trên bà Ngô Thị P có nghĩa vụ thối trả ½ giá trị tài sản là 219.053.000 đồng cho ông Nguyễn Hữu C.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị P và ông Nguyễn Hữu C phải chịu trên giá trị tài sản được nhận là 219.053.000 đồng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 mục I tại danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ trên 6.000.000 đến 400.00.000 đồng x 5% giá trị tài sản tranh chấp. Do đó, bà P và ông C mỗi người phải chịu là 10.952.650 đồng án phí chia tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 29, Điều 33, Điều 38, Điều 39 Điều 59, Điều 61 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của bà Ngô Thị P đối với ông Nguyễn Hữu C.

Tuyên xử:

Bà Ngô Thị P được nhận thửa đất ở có diện tích 224m^2, đã đăng ký biến động tại cơ quan có thẩm quyền ngày 12/9/2016, thuộc thửa đất số 1262, tờ bản đồ số 14 (do bà Ngô Thị P và ông Nguyễn Hữu C cùng đứng tên chủ sử dụng); địa chỉ tại thôn thôn L, xã N, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam và tài sản trên đất là ngôi nhà cùng với các công trình phụ với tổng trị giá là 438.106.000 đồng *(Bốn trăm ba mươi tám triệu một trăm lẻ sáu ngàn đồng)*.

Sau khi sở hữu khối tài sản trên bà Ngô Thị P chịu trách nhiệm thối trả giá trị chêch lệch trong khối tài sản chung cho ông Nguyễn Hữu C số tiền là 219.053.000 đồng *(Hai trăm mười chín triệu không trăm năm mươi ba ngàn đồng)*.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà P không thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng bà P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm.

- **Về án phí:** Buộc bà Ngô Thị P phải chịu 10.952.650 đồng *(Mười triệu chín trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng)* án phí chia tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà P đã nộp là 12.500.000 đồng *(Mười hai triệu năm trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0003807 ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn trả lại cho bà P là 1.547.350 đồng *(Một triệu năm trăm bốn mươi bảy ngàn ba trăm năm mươi đồng)* tiền tạm ứng án phí.

Buộc ông Nguyễn Hữu C phải chịu 10.952.650 đồng *(Mười triệu chín trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm năm mươi đồng)* án phí chia tài sản.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

.

.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Đại Lộc;*
- *Chi cục THADS huyện Đại Lộc;*
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái